

**BẢN KẾT LUẬN KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN
TẠI TRỤ SỞ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

1. Phần mở đầu:

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính qui định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thực hiện Quyết định số 287/QĐ-HQQN ngày 11/04/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan. Từ ngày 19/04/2017 đến ngày 28/04/2017, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Công ty cổ phần xây dựng 1369; MST: 0800282385; Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*Sau đây gọi là Công ty*). Nội dung kiểm tra được ghi nhận tại các Biên bản số 02/BB-HC ngày 19/04/2017; số 03/BB-HC ngày 27/04/2017; số 04/BB-HC ngày 27/04/2017; số 05/BB-HC ngày 28/04/2017.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra đã được ghi nhận tại các Biên bản giữa Đoàn kiểm tra và Công ty. Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra ngày 05/05/2017 của Đoàn kiểm tra, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh lập Bản kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan, như sau:

2. Phạm vi kiểm tra, nội dung kiểm tra:

- Phạm vi kiểm tra: Hồ sơ, tài liệu, sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu, dữ liệu lưu giữ (bao gồm cả tài liệu giấy và dữ liệu lưu giữ dưới mọi hình thức, trong các loại công cụ, thiết bị điện tử) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/9/2015 đến 31/3/2017.

- Nội dung kiểm tra: Kiểm tra việc khai báo trị giá hải quan và chấp hành các quy định khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty trong phạm vi nêu trên; Kiểm tra thực tế hàng hóa (trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện).

3. Kết quả kiểm tra:

3.1. Số liệu:

- Trong phạm vi kiểm tra, Công ty đăng ký và làm thủ tục hải quan đối với 20 bộ tờ khai, cụ thể:

+ 13 bộ tờ khai loại hình xuất kinh doanh (B11) mặt hàng Đá vôi trong đó tại Chi cục Hải quan cảng Cái Lân (01 bộ), Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cẩm Phả (09 bộ), Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hòn Gai (03 bộ);

+ 07 bộ tờ khai nhập kinh doanh (A11) mặt hàng máy móc đã qua sử dụng (máy tiện ngang, máy đột dập, máy phay, ...) trong đó tại Chi cục Hải quan cảng Hải Phòng KVII (02 bộ); Chi cục Hải quan cảng Hải Phòng KVIII (05 bộ).

- Đoàn kiểm tra không kiểm tra 08 bộ tờ khai xuất kinh doanh (loại hình B11, mặt hàng Đá vôi) do:

+ Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cẩm Phả đã kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan đối với 06 bộ tờ khai xuất kinh doanh (B11) gồm: Tờ khai số 300520156921/B11/20CG ngày 01/9/2015 theo Quyết định kiểm tra số 93/QĐ-HQCP ngày 06/11/2015; Tờ khai số 300642484465/B11/20CG ngày 13/12/2015, số 300680284242/B11/20CG ngày 11/01/2016, số 300687711461/B11/20CG ngày 20/01/2016, số 300723304622/B11/20CG ngày 22/02/2016, số 300716443221/B11/20CG ngày 16/02/2016 theo Quyết định kiểm tra số 12a/QĐ-HQCP ngày 20/02/2016 và Quyết định sửa đổi bổ sung số 16/QĐ-HQCP ngày 11/03/2016.

+ Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hòn Gai đã kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan đối với 02 bộ tờ khai xuất kinh doanh (B11) gồm: Tờ khai số 300671600962/B11/20CF ngày 4/01/2016 theo Quyết định kiểm tra số 69/QĐ-HQHG ngày 08/03/2016, Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra số 91/QĐ-HQHG ngày 18/3/2016; Tờ khai số 300726205530/B11/20CF ngày 24/02/2016 theo Quyết định kiểm tra số 143/QĐ-HQHG ngày 14/4/2016, Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra số 146A/QĐ-HQHG ngày 19/4/2016.

- Số lượng đá vôi xuất khẩu theo khai báo thuộc 05 bộ tờ khai Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra sau thông quan là 79.997 tấn; Trị giá theo khai báo là

522.431,1 USD tương đương 11.625.861.997 đồng; Tiền thuế xuất khẩu theo khai báo là 1.743.879.300 đồng.

- Trị giá hàng nhập khẩu: 246.377 AUD tương đương 4.150.193.170 đồng; Tiền thuế nhập khẩu theo khai báo là 203.168.183 đồng; Tiền thuế GTGT: theo khai báo là 435.336.135 đồng.

3. 2. Về việc thực hiện Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Công ty đã khai báo và làm thủ tục hải quan theo các quy định tại:

+ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

+ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

+ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Thông tư số 04/2012/TT-BXD ngày 20/09/2012 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

+ Thông tư số 23/2015/TT-BKHCN ngày 13/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng (hiệu lực từ 01/7/2016).

- Qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ bản lưu người khai hải quan (do Công ty cung cấp) với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan thấy hồ sơ, chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan đầy đủ, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp. Công ty đã khai báo và làm thủ tục hải quan theo đúng các quy định của pháp luật tại thời điểm đăng ký tờ khai.

3.3. Về việc thực hiện chính sách mặt hàng, quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu:

3.3.1. Đối với mặt hàng đá vôi xuất khẩu thuộc 05 bộ tờ khai xuất kinh doanh (B11):

- Công ty không khai thác trực tiếp mà ký hợp đồng mua của Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải Quảng Ninh- xí nghiệp đá Thống Nhất; MST: 5700471527-001; Địa chỉ: thôn Đồng Vải, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh trực thuộc Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải; MST: 5700471525; Địa chỉ: làng Nhội, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh) tại mỏ đá thôn Đồng Vải, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh (Sau đây gọi là Chi nhánh).

A.X.H.
CỤC H
QU
TỔNG

- Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải đã ký hợp đồng hợp tác, liên doanh liên kết truyền dạy nghề và khai thác, chế biến đá tại mỏ đá làm vật liệu xây dựng với Trại giam Quảng Ninh (địa chỉ: xã Hồng Thái, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) để tổ chức khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng.

- Căn cứ Quyết định số 312/GP-UBND ngày 13/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “ Cho phép Trại giam Quảng Ninh được quản lý mỏ đá và liên kết với Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ trong ranh giới khu vực khai thác có diện tích 22,78 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định số 3764/GP-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cấp cho Trại giam Quảng Ninh... ” thì mỏ khai thác đá của Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải Quảng Ninh, không thuộc danh sách mỏ quy hoạch khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng theo Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/07/2008 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 1065/2010/QĐ-TTg ngày 09/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ quyết định Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ quyết định Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020.

- Hàng hóa xuất khẩu của Công ty là đá vôi dạng viên dùng làm vật liệu xây dựng phù hợp với các điều kiện theo quy định tại Phụ lục 1- Danh mục, tiêu chuẩn và điều kiện xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại Thông tư số 04/2012/TT-BXD ngày 20/09/2012 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Trong các bộ hồ sơ hải quan lưu đều có Chứng thư giám định về chất lượng, khối lượng, cỡ hạt do cơ quan giám định độc lập có thẩm quyền cấp. Kết quả kiểm tra, đối chiếu chứng thư giám định xác định hàng hóa được giám định phù hợp với khai báo trên tờ khai hải quan.

3.3.2. Đối với mặt hàng máy móc đã qua sử dụng thuộc 07 bộ tờ khai nhập kinh doanh (A11):

- Mặt hàng máy móc đã qua sử dụng (như máy tiện ngang, máy đột dập, máy phay, ...) không thuộc danh mục hàng hoá đã qua sử dụng cấm nhập khẩu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài; Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư

04/2014/TT-BTC ngày 27/01/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

- Tờ khai số 100948318702/A11/03CE đăng ký ngày 14/7/2016, mặt hàng Tổ máy phát điện đã qua sử dụng; Hợp đồng ngoại thương số DY150216, ký ngày 15/2/2016; Ngày xếp hàng lên tàu là ngày 13/6/2016 (B/L số SYDHPH021528 ngày 13/6/2016). Căn cứ Điều 15 (Điều khoản chuyển tiếp) của Thông tư 23/2015/TT-BKHCN ngày 13/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng (hiệu lực từ 01/7/2016) quy định: Trường hợp các hợp đồng mua bán đã được ký kết và thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu đã được đưa lên phương tiện vận chuyển trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không thuộc sự điều chỉnh của Thông tư này. Do đó Tờ khai số 100948318702/A11/03CE đăng ký ngày 14/7/2016, mặt hàng Tổ máy phát điện đã qua sử dụng không thuộc điều chỉnh bởi Thông tư 23/2015/TT-BKHCN ngày 13/11/2015.

- Hàng hóa nhập khẩu Công ty tiêu thụ tại thị trường trong nước, khi xuất bán Công ty ký phát hoá đơn giá trị gia tăng đầy đủ theo quy định.

3.4. Về thực hiện chính sách thuế:

- Công ty kê khai nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại:

+ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

+ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

+ Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013, Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế.

- Công ty thực hiện kê khai nộp thuế GTGT theo quy định tại:

+ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

+ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

+ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Thông tư số 83/TT-BTC ngày 26/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam

- Tại thời điểm kiểm tra, Công ty không nợ thuế. Tổng số thuế Công ty đã nộp vào NSNN là 2.382.383.618 đồng (trong đó thuế xuất khẩu là 1.743.879.300 đồng, thuế nhập khẩu: 203.168.183 đồng, thuế GTGT: 435.336.135 đồng.

3.5. Về phân loại, áp mã số, áp thuế suất thuế xuất khẩu, nhập khẩu:

Công ty đã khai báo, mô tả tên hàng đầy đủ, rõ ràng đảm bảo việc phân loại, áp mã số HS; Kê khai đúng, đủ thuế suất thuế xuất khẩu, thuế suất thuế nhập khẩu và thuế GTGT theo biểu thuế tại thời điểm đăng ký tờ khai.

3.6. Về khai báo trị giá hải quan:

Công ty khai báo trị giá hải quan theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3.6.1. Đối với hàng hoá nhập khẩu:

Các lô hàng nhập khẩu của Công ty được khai báo trị giá hải quan theo trị giá giao dịch với điều kiện giao hàng CFR. Qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ đồng bộ, chưa phát hiện mâu thuẫn trong việc khai báo trị giá hải quan. Công ty không mua bảo hiểm quốc tế cho các lô hàng nhập khẩu nêu trên.

3.6.2. Đối với hàng hoá xuất khẩu:

- Công ty khai báo trị giá hải quan mặt hàng đá vôi xuất khẩu theo trị giá giao dịch với điều kiện giao hàng FOB. Trị giá giao dịch được quy định trong hợp đồng.

- Các tờ khai đã kiểm tra đều thuộc diện nghi vấn trị giá khai báo do mức giá khai báo thấp hơn mức giá kiểm tra trong Danh mục hàng hoá xuất khẩu rủi ro về giá ban hành kèm theo Quyết định 3950/QĐ-TCHQ ngày 30/11/2015 và Quyết định số 1565/QĐ-TCHQ ngày 31/5/2016 về việc ban hành Danh mục hàng hoá xuất khẩu rủi ro về trị giá, Danh mục hàng hoá nhập khẩu rủi ro về trị giá và mức giá tham chiếu kèm theo.

- Quy trình vận chuyển hàng hóa ra cửa khẩu xuất:

+ Đối với tờ khai 300711800012/B11/20CF ngày 03/02/2016:

Công ty mua đá vôi tại bãi đá của Chi nhánh, khối lượng 18.200 tấn, đơn giá 56.100 đồng/tấn theo hợp đồng số 06/HĐKT/1369-TN ngày 30/01/2016; Biên bản giao nhận tổng hợp ngày 15/02/2016.

Công ty thuê Công ty TNHH Hoàn Anh (MST: 0900448432) vận chuyển 18.200 tấn đá vôi, đơn giá: 13.000 đồng/tấn theo hợp đồng số 26.11/2015 HĐVC ngày 26/11/2015, phụ lục hợp đồng số 01/2016/PLHĐ/1369-HA ngày 15/01/2016, Biên bản nghiệm thu vận chuyển đá vôi ngày 01/02/2016 từ bãi đá của Chi nhánh đến cảng Cầu Bang.

Công ty thuê Công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải Tiến Thăng (MST:5701101492) vận chuyển 5.286,92 tấn đá vôi, đơn giá: 32.000 đồng/tấn (theo hợp đồng số 01/01/2016/HĐVC/TT-1369 ngày 01/01/2016, phụ lục hợp đồng số 02/2016/PLHĐ/1369-TBD ngày 18/02/2016, Biên bản đối chiếu khối lượng vận chuyển ngày 18/02/2016) và Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Anh Thụ (MST:0801001397) vận chuyển 12.902,99 tấn đá vôi, đơn giá: 32.000 đồng/tấn (theo hợp đồng số 01.01.16/HĐVC-2016 ngày 01/01/2016, phụ lục hợp đồng số 03 ngày 05/2/2016, Biên bản quyết toán khối lượng ngày 18/02/2016) từ cảng Cầu Bang đến Hòn Nét – Cẩm Phả.

Công ty sử dụng máy xúc lật của Công ty để bốc xúc đá vôi lên phương tiện vận tải tại bãi đá của Chi nhánh và bốc xúc đá vôi xuống sà lan tại cảng Cầu Bang.

Công ty thuê Công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Thái Bình Dương (MST: 5701591134) bốc xếp đá vôi từ sà lan lên tàu UNISON LEADER để xuất khẩu (khối lượng 18.200 tấn, đơn giá: 5.500 đồng/tấn theo hợp đồng số 22-2016/HĐNT/1369-TBD ngày 20/01/2016, phụ lục hợp đồng số 02/2016/PLHĐ/1369-TBD ngày 27/01/2016, Biên bản quyết toán cước xếp dỡ ngày 18/02/2016).

+ Đối với tờ khai số 300759562041/B11/20CG ngày 21/03/2016:

Công ty mua đá vôi tại bãi đá của Chi nhánh, khối lượng 27.090 tấn, đơn giá mua: 60.500 đồng/tấn, theo hợp đồng số 10/HĐKT/1369-TN ngày 10/12/2015. Công ty sử dụng máy xúc lật, phương tiện vận tải của Công ty để bốc xúc, vận chuyển đá vôi từ bãi đá của Chi nhánh đến cảng Cầu Bang và sử dụng máy xúc lật của Công ty để bốc xúc đá vôi xuống sà lan.

Công ty thuê Công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải Tiến Thăng (MST:5701101492) vận chuyển 11.730,3 tấn đá vôi, đơn giá 32.000 đồng/tấn (theo hợp đồng số 01/01/2016/HĐVC/TT-1369 ngày 01/01/2016, Biên bản quyết toán khối lượng ngày 28/3/2016) và Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Anh Thụ (MST:0801001397) vận chuyển khối lượng 15359,7 tấn đá vôi; đơn giá 32.000 đồng/tấn (theo hợp đồng số 01.01.16/HĐVC-2016 ngày 01/01/2016, Biên bản quyết toán khối lượng ngày 28/03/2016) từ cảng Cầu Bang đến Hòn Nét – Cẩm Phả.

Công ty thuê Công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Thái Bình Dương (MST: 5701591134) bốc xếp đá vôi từ sà lan lên tàu CSE FORTUNE EXPRESS để xuất khẩu (khối lượng 27.090 tấn; đơn giá: 5.500 đồng/tấn theo hợp đồng số 22-2016/HĐNT/1369-TBD ngày 20/01/2016, phụ lục hợp đồng số 04/2016/PLHĐ/1369-TBD ngày 21/03/2016, Biên bản quyết toán cước xếp dỡ ngày 28/03/2016).

+ Đối với tờ khai số 300775225132/B11/20CG ngày 02/4/2016:

Công ty mua đá vôi của Chi nhánh trên sà lan tại cảng Cầu Bang, khối lượng 14.807 tấn, đơn giá 85.800 đồng/tấn và giao tại Hòn Nét, khối lượng 11.000 tấn, đơn giá 144.100 đồng/tấn, theo hợp đồng số 11/HĐKT/1369-TN ngày 01/04/2016.

Đối với lượng đá vôi giao trên sà lan tại cảng Cầu Bang, Công ty thuê Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Anh Thu (MST: 0801001397) vận chuyển 3.607,56 tấn đá vôi, đơn giá 32.000 đồng/tấn (theo hợp đồng số 01.01.16/HĐVC-2016 ngày 01/01/2016, Biên bản quyết toán khối lượng ngày 14/4/2016) và Công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải Tiến Thăng (MST:5701101492) vận chuyển 11.199,44 tấn đá vôi, đơn giá 32.000 đồng/tấn (theo hợp đồng số 01/01/2016/HĐVC/TT-1369 ngày 01/01/2016, Biên bản quyết toán khối lượng ngày 14/4/2016) đến Hòn Nét - Cẩm Phả.

Công ty thuê Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành (MST: 0800289260) bốc xếp đá vôi từ sà lan lên tàu RHL MONICA để xuất khẩu (khối lượng 25.807 tấn, đơn giá: 5.500 đồng/tấn theo hợp đồng số 0104/2016/HĐTT ngày 01/04/2016, Biên bản quyết toán bốc xếp ngày 14/4/2016).

+ Đối với tờ khai số 300885527961/B11/20CG ngày 25/06/2016:

Công ty ký hợp đồng mua đá vôi của Chi nhánh trên sà lan tại Hòn Nét – Cẩm Phả, khối lượng 6.700 tấn, đơn giá 132.000 đồng/tấn, theo hợp đồng số HĐNT/2016/1369-TN ngày 01/06/2016, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/06/2016.

Công ty thuê Công ty cổ phần thương mại và giao nhận vận tải Thái Bình Dương (MST: 5701591134) bốc xếp đá vôi từ sà lan lên tàu CSE GLORY EXPRESS để xuất khẩu (khối lượng 6.700 tấn, đơn giá bốc xếp: 5.500 đồng/tấn theo hợp đồng số 22-2016/HĐNT/1369-TBD ngày 20/01/2016, phụ lục hợp đồng số 05/2016/PLHĐ/1369-TBD ngày 25/06/2016, Biên bản quyết toán cước xếp dỡ ngày 08/07/2016).

+ Đối với tờ khai số 300904444654/B11/20CD ngày 09/07/2016:

Công ty ký hợp đồng mua đá vôi trên sà lan của Chi nhánh tại cảng Cái Lân, khối lượng 2.200 tấn, đơn giá 132.000 đồng/tấn (theo hợp đồng số HĐNT/2016/1369-TN ngày 11/06/2016, phụ lục hợp đồng số 02 ngày 07/07/2016).

Công ty thuê Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh (MST:5700100231) bốc xếp đá vôi từ sà lan lên tàu YUN QIAN để xuất khẩu (khối lượng 2.200 tấn, đơn giá bốc xếp: 21.890 đồng/tấn theo hợp đồng số 02/2016/HĐDV/1369-CQN ngày 11/07/2016, Biên bản thanh toán ngày 26/7/2016).

- Giá bán mặt hàng đá vôi xuất khẩu của Công ty được thực hiện theo giá thị trường trên cơ sở: Giá đá vôi đầu vào; Thuế GTGT đầu vào; Chi phí bốc xếp, vận chuyển; Chi phí giám định; Chi phí neo đậu bên cảng; Chi phí mua dầu... Các chi phí phát sinh được Công ty hạch toán đầy đủ trong sổ sách kế toán.

3.6.3. Ý kiến của Đoàn kiểm tra:

Theo đề nghị của Đoàn kiểm tra, Công ty đã giải thích sự bất hợp lý giữa giá bốc xếp đá vôi lên tàu biển xuất khẩu tại tờ khai 300904444654/B11/20CD ngày 09/07/2016 (21.890 đồng/tấn) và các tờ khai khác (5.500 đồng/tấn) là do:

- Lô hàng đá vôi (khối lượng 2.200 tấn) thuộc tờ khai xuất khẩu số 300904444654/B11/20CD ngày 09/07/2016 được xếp chung với hàng của đơn vị khác lên tàu YUN QIAN.

- Phải chịu sự điều chỉnh của người mua là DELUXE JEWEL CO.,LTD về tiến độ, thời gian bốc xếp.

- Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh (MST:5700100231) là đơn vị duy nhất thực hiện việc bốc xếp hàng hoá tại cảng Quảng Ninh và mức giá 21.890 đồng/tấn ngoài phí bốc xếp thì bao gồm cả phí giao nhận, kiểm đếm hàng hóa, lệ phí hàng hải (nếu bốc xếp hàng hóa tại cảng nội thì Công ty phải nộp cho Cảng vụ là 0,07 usd/tấn).

- Hàng hóa xuất khẩu được bốc xếp tại khu vực địa bàn cảng Quảng Ninh (Phương tiện vận tải cập bờ) thường cao hơn nhiều do sử dụng công cụ, điều kiện bốc xếp... so với bốc xếp tại các cảng nội. Vì uy tín và sự ràng buộc trong kinh doanh Công ty phải chấp nhận mức giá bốc xếp là 21.890 đồng/tấn đối với lô hàng này.

3.7. Kiểm tra các chứng từ kế toán, sổ kế toán có liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty

3.7.1. Đối với hàng hóa xuất khẩu:

3.7.1.1. Theo dõi quản lý hàng hóa xuất khẩu:

Công ty cổ phần xây dựng 1369 thu mua đá vôi của Chi nhánh, khối lượng hàng hóa giao nhận được đo xác nhận theo từng chuyến xe hoặc theo kết quả giám định khối lượng của đơn vị giám định độc lập.

Theo khai báo trên các tờ khai xuất khẩu, tổng số lượng xuất bán theo 05 tờ khai xuất khẩu trong phạm vi kiểm tra là 79.997 tấn đá vôi màu xanh tự nhiên dạng viên, mảnh thu được từ quá trình sàng tuyển dùng làm vật liệu xây dựng, kích thước:(10-40) mm; (5-30) mm; (50-90) mm; Công ty đã ghi sổ kế toán phù hợp với lượng hàng đã xuất khẩu.

3.7.1.2. Việc hạch toán đối với doanh thu hàng xuất khẩu:

- Công ty lập hóa đơn xuất khẩu cho từng lô hàng xuất khẩu và phản ánh trên sổ kế toán theo quy định.

- Số lượng hàng hóa xuất khẩu theo 5 bộ tờ khai trong phạm vi kiểm tra là 79.997 tấn. Tổng doanh thu là:11.625.861.997 đồng.

3.7.1.3. Việc thanh toán tiền hàng xuất khẩu:

- Kiểm tra chứng từ, bảng sao kê ngân hàng, sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ chi tiết tài khoản 511; 131; 112, 3388 và các tài khoản liên quan cho thấy:

Trong phạm vi kiểm tra, Công ty xuất khẩu Đá vôi bán cho 04 đối tác, Đến thời điểm kiểm tra các đối tác đã thanh toán đúng đủ tiền hàng cho Công ty.

3.7.1.4. Việc hạch toán các chi phí liên quan đến việc xuất khẩu hàng hóa:

Hàng hóa của Công ty được xuất khẩu theo điều kiện FOB (Hòn Gai, Cái Lân, Cẩm Phả). Công ty mua đá vôi của Chi nhánh, địa điểm giao nhận hàng hóa tại: Mỏ khai thác đá (thôn Đồng Vải, xã Thống Nhất, huyện Hoài Bò, tỉnh Quảng Ninh) hoặc cảng Cầu Bang hoặc dọc mạn tàu biển theo chỉ định của Công ty. Việc vận chuyển, bốc xếp từ Mỏ khai thác đá của Chi nhánh đến cảng Cầu Bang, từ cảng Cầu Bang lên tàu để xuất khẩu được Công ty tự thực hiện hoặc thuê các Công ty vận tải thực hiện. Công ty thuê các đơn vị giám định thực hiện giám định về khối lượng và cỡ hạt.

Các chi phí phát sinh trong nội địa để đưa hàng lên tàu như: vận chuyển, bốc xếp hàng hóa, giám định, neo đậu bến cảng... đã được Công ty hạch toán đầy đủ trên sổ sách kế toán.

3.7.2. Đối với hàng hóa nhập khẩu:

3.7.2.1. Theo dõi quản lý hàng hóa nhập khẩu:

- Trong phạm vi kiểm tra từ 01/09/2015 đến 31/03/2017, Công ty đã nhập khẩu hàng hóa tại 07 bộ tờ khai hải quan; tổng trị giá: 246.377AUD (tương đương 4.150.193.170 đồng).

- Hàng hóa sau khi thông quan, Công ty căn cứ vào lượng hàng và trị giá trên tờ khai nhập khẩu để lập phiếu nhập kho và đồng thời hạch toán vào sổ kế toán chi tiết tài khoản 156 (1561).

- Khi xuất bán hàng hóa cho các cá nhân và tổ chức trong nước, kế toán căn cứ các Hợp đồng mua bán nội địa, lập phiếu xuất kho đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận hàng hóa, hạch toán vào sổ chi tiết tài khoản 156 (1561) và các tài khoản liên quan. Tại thời điểm kiểm tra hàng hóa chưa xuất bán hết còn tồn kho là 03 Tổ máy phát điện thuộc tờ khai số 100948318702 đăng ký ngày 14/7/2016.

- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Căn cứ chứng từ, tài liệu, sổ kế toán do Công ty cung cấp tại thời điểm kiểm tra Công ty đã phản ánh đầy đủ số lượng, chủng loại, trị giá hàng hóa nhập khẩu trên sổ kế toán theo quy định.

3.7.2.2. Thanh toán tiền hàng nhập khẩu:

Căn cứ chứng từ thanh toán tiền hàng nhập khẩu, Sổ chi tiết phải trả người bán (Chi tiết tài khoản 331), Sổ tiền gửi ngân hàng (Chi tiết tài khoản 112) và các tài khoản liên quan (chi tiết tài khoản 151, 152, 156, 631): Công ty đã thanh toán đúng đủ, trị giá hàng mua cân khớp đúng giữa chứng từ thanh toán, sổ kế toán, hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại và khai báo với cơ quan hải quan. Tổng số tiền đã thanh toán cho đối tác (D AND Y EXPORT PTY LTD) là: 246.377 AUD.

3.7.3. Kê khai nộp thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Công ty khai báo và đã nộp Ngân sách Nhà nước: 2.382.383.618 đồng, trong đó:

+ Tiền thuế NK: 203.168.183 đồng;

+ Thuế XK: 1.743.879.300 đồng;

+ Thuế GTGT: 435.336.135 đồng.

- Kiểm tra chứng từ nộp tiền thuế, đối chiếu Sổ kế toán xác định Công ty đã nộp đủ vào ngân sách nhà nước.

4. Ý kiến của người khai hải quan được kiểm tra:

- Công ty hoàn toàn nhất trí với nội dung kết quả kiểm tra của Bản kết luận kiểm tra đã nêu trên, Công ty không có ý kiến gì thêm.

- Công ty cam kết những hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ, dữ liệu đã cung cấp phục vụ kiểm tra sau thông quan là hợp pháp, hợp lệ đúng quy định của pháp luật; Công ty xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về những hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ, dữ liệu đã cung cấp.

5. Kết luận:

5.1. Ưu điểm:

- Công ty đã khai đúng, đủ trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

- Công ty đã chấp hành đúng các qui định về thủ tục hải quan, chính sách mặt hàng, quản lý hàng xuất khẩu nhập khẩu; chính sách thuế khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

- Công ty đã mở sổ theo dõi, phản ánh và hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến hàng xuất khẩu trên sổ kế toán đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở, Công ty đã hợp tác tốt và cung cấp kịp thời các sổ kế toán, tài liệu, thông tin có liên quan cho Đoàn kiểm tra.


5.2. Sai sót, vi phạm: Không.

5.3. Kiến nghị:

Kết thúc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo Quyết định số 287/QĐ-HQQN ngày 11/4/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh đối với Công ty cổ phần xây dựng 1369.

Hồ sơ, tài liệu kèm theo Bản kết luận này gồm:

1. Quyết định số 287/QĐ-HQQN ngày 11/04/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.

2. Biên bản lập tại trụ sở Công ty gồm: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra số 02/BB-HC ngày 19/04/2017; Biên bản kiểm tra số 03/BB-HC ngày 27/04/2017; Biên bản kiểm tra số 04/BB-HC ngày 27/04/2017; Biên bản kiểm tra số 05/BB-HC ngày 28/04/2017 và hồ sơ, tài liệu kèm theo các Biên bản. 

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần xây dựng 1369;
- Cục trưởng (thay b/c);
- Lưu: VT, HS, KTSTQ (5b).

